

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 14-4-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh – nguyên là Chủ tịch Hội phụ nữ phường Quảng Phú.
2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy - nguyên là Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Quảng Ngãi.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17-02-2022 và ngày 14-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST – DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; trụ sở tại số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên Phát – Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc Phòng quản lý nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Văn bản ủy quyền số 70/UQ-QLN.22 ngày 20-01-2022), địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A Tower, 444A-446 C, phường 11, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hứa Văn N – Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Văn bản ủy quyền số 225/UQ-QLN.22 ngày 16-02-2022), địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A, 444A-446 C, phường 11, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Mỹ, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Quốc V, sinh năm 2013

+ Cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh năm 2017

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Cháu Nguyễn Quốc V và cháu Nguyễn Ngọc Gia H do ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L là cha mẹ của các cháu làm người đại diện hợp pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) có ông Hứa Văn N –đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số QNG.CN.2046.251019 ngày 30-10-2019; Ngân hàng A cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng và giải ngân tại các Khế ước nhận nợ số tham chiếu 295105029 ngày 30/10/2019 và Khế ước nhận nợ số tham chiếu 299957539 ngày 06/01/2020; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn 0,875%/tháng và được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay và được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi 10% năm. Ngoài các khế ước nhận nợ nêu trên Ngân hàng A còn cấp tín dụng thẻ cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L hạn mức 10.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng bà Nguyễn Thị L ký ngày 07-01-2020.

Đề bảo đảm cho khoản vay trên, ông T, bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 466, tờ bản đồ số 12, diện tích 96m², xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 588988, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04699 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Nguyễn Văn Nuôi ngày 15-9-2017, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L ngày 02-10-2017 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QNG.BĐCN. 241.231017 ngày 01-11-2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QNG.BĐCN.241.231017/SĐBS-01 ngày 06-01-2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 14-4-2022, ông T, bà L còn nợ Ngân hàng A số tiền là 202.416.234 đồng, trong đó: 160.976.007 đồng tiền nợ gốc, 3.485.616 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 37.450.722

đồng tiền nợ lãi quá hạn, 503.889 đồng tiền lãi chậm trả (tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 14-4-2022).

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải trả toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng A và trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15-4-2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trường hợp ông T và bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 466, tờ bản đồ số 12, diện tích 96m², xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 588988, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04699 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 15-9-2017, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L ngày 02-10-2017 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QNG.BĐCN.241.231017 ngày 01-11-2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QNG.BĐCN.241.231017/SĐBS-01 ngày 06-01-2020.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ số nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Thống nhất trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng A là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 466, tờ bản đồ số 12, diện tích 96m², xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 588988, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04699 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 15-9-2017, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L ngày 02-10-2017 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QNG.BĐCN.241.231017 ngày 01-11-2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QNG.BĐCN.241.231017/SĐBS-01 ngày 06-01-2020.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn, bị đơn bà L chấp hành đúng

các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn ông T không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, 35, khoản 4 Điều 91, Điều 144, 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299, 317, 318, 320, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải trả tổng số tiền là 202.416.234 đồng, trong đó nợ gốc là 160.976.007 đồng, lãi trong hạn 3.485.616 đồng, lãi quá hạn 37.450.722 đồng, lãi chậm trả 503.889 đồng (tạm tính đến ngày 14-4-2022). Trong trường hợp ông T và bà L không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 466, tờ bản đồ số 12, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Về phần án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[1.2] Ngày 29-11-2021, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đến ngày 03 và ngày 06 tháng 12 năm 2021, nguyên đơn Ngân hàng A có văn bản thay đổi ý kiến nội dung không đồng ý với nội dung thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 29/11/2021

nên Tòa án không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hợp đồng cho vay: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L thừa nhận bà và ông Nguyễn Văn T, có vay tiền của Ngân hàng A theo Hợp đồng cấp tín dụng số QNG.CN.2046.251019 ngày 30-10-2019 và nhận tiền vay theo các Khế ước nhận nợ số tham chiếu 295105029 ngày 30/10/2019 và Khế ước nhận nợ số tham chiếu 299957539 ngày 06/01/2020. Ngoài ra còn khoản nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 07-01-2020 với số tiền vay, số tiền đã trả nợ gốc và lãi như Ngân hàng A trình bày là đúng. Trình bày của Nguyễn Thị L phù hợp với trình bày và tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng A cung cấp và văn bản thống nhất với nội dung hòa giải ngày 29/11/2021 của ông Nguyễn Văn T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc buộc ông T, bà L trả nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông T, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền là 202.416.234 đồng, trong đó: 160.976.007 đồng tiền nợ gốc, 3.485.616 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 37.450.722 đồng tiền nợ lãi quá hạn, 503.889 đồng tiền lãi chậm trả (tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 14-4-2022) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 15-4-2022 đến khi trả xong toàn bộ các khoản vay.

[2.2] Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông T, bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 466, tờ bản đồ số 12, diện tích 96m², xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 588988, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04699 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Nguyễn Văn Nuôi ngày 15-9-2017, chính lý biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L ngày 02-10-2017 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QNG.BĐCN. 241.231017 ngày 01-11-2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QNG.BĐCN.241.231017/SĐBS-01 ngày 06-01-2020.

Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng A và ông T, bà L được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, trong trường hợp ông T, bà L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc 466, tờ bản đồ số 12, diện tích 96m², xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để thu nợ cho Ngân hàng A.

[2.3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại

các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ngân hàng A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng nên ông T, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng A.

[2.4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A nên ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà L có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn do dịch bệnh Covid-19, được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa An xác nhận, có đơn đề nghị giảm án phí nên Hội đồng xét xử quyết định giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, bà L.

Ông T, bà L phải chịu 5.060.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính như sau: $[(5\% \times 202.416.234 \text{ đồng}) : 2]$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 13, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 2 Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ; Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền là 202.416.234 đồng (hai trăm lẻ hai triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng), trong đó: 160.976.007 đồng tiền nợ gốc, 3.485.616 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 37.450.722 đồng tiền nợ lãi quá hạn, 503.889 đồng tiền lãi chậm trả (tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 14-4-2022) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay kể từ ngày 15-4-2022 đến khi trả xong toàn bộ các khoản vay.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 466, tờ bản đồ số 12, diện tích 96m², xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số QNG.BĐCN. 241.231017 ngày 01-11-2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số QNG.BĐCN.241.231017/SĐBS-01 ngày 06-01-2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng nên ông T, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 5.060.400 đồng (năm triệu, không trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.346.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007340 ngày 14-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam